

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:02/2023/KDTM-ST

Ngày: 24/8/2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- *Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thê Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác, bà Hoàng Thị Thanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Cường– Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2023/KDTM-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 6 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-KDTM ngày 28/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng P

Địa chỉ: Số 25A, C, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang Tr – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Xuân B. Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng P Khu vực Đăk Lăk– Đăk Nông. (văn bản ủy quyền số 246/GUQ.NHPT-PC ngày 01/3/2023)

Người được ông Phan Xuân B ủy quyền lại: Ông Cao Văn H. Chức vụ: Trưởng phòng tín dụng xuất khẩu - Chi nhánh Ngân hàng P Khu vực Đăk Lăk– Đăk Nông. (văn bản ủy quyền số 246/GUQ.NHPT-PC ngày 06/3/2023) - Có mặt.

Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ

Địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện M, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đình Tr. Chức vụ: Giám đốc - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng P và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền ông Cao Văn H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Công ty Cổ phần Đ có quan hệ vay vốn tín dụng xuất khẩu với Ngân hàng P, chi nhánh khu vực Đắk Lắk – Đắk Nông từ năm 2009. Cụ thể như sau:

Ngày 06/8/2009, Ngân hàng P, chi nhánh khu vực Đắk Lắk – Đắk Nông và Doanh nghiệp tư nhân N (tiền thân của Công ty Cổ phần Đ) ký kết hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 156/2009/TDXK-NHPT, số tiền vay 20.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay TDXK 6,9%/năm và cho vay thỏa thuận 10,08%/năm; ngày đến hạn trả nợ 04/01/2010; nợ gốc đã trả 20.000.000.000 đồng; nợ lãi đã trả 1.213.724.159 đồng; nợ lãi chưa trả 284.631.281 đồng.

Doanh nghiệp tư nhân N đã giải thể ngày 25/10/2009. Ngày 21/11/2010 Công ty Cổ phần Đ đã ký Phụ lục Hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 156A/2009/TDXK-NHPT với Ngân hàng P kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Doanh nghiệp tư nhân N tại Hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 156/2009/TDXK-NHPT ngày 06/8/2009.

Ngày 29/3/2010, Ngân hàng P, chi nhánh khu vực Đắk Lắk – Đắk Nông và Công ty Cổ phần Đ ký kết hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 24/2010/TDXK-NHPT PC số tiền vay 10.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay tín dụng xuất khẩu 9,6%/năm và cho vay thỏa thuận 12%/năm; ngày đến hạn trả nợ 17/11/2010; nợ gốc đã trả 728.915.329 đồng; nợ lãi đã trả 489.928.533 đồng; nợ gốc chưa trả 9.271.084.671 đồng; nợ lãi chưa trả 4.861.997.980 đồng.

Ngày 29/4/2010 Ngân hàng P, chi nhánh khu vực Đắk Lắk – Đắk Nông và Công ty Cổ phần Đ ký kết hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 50/2010/TDXK-NHPT PC ngày 29/4/2010 ký giữa Chi nhánh và Công ty CP Đ, số tiền vay 7.700.000.000 đồng, lãi suất cho vay Tín dụng xuất khẩu 9,6%/năm và cho vay thỏa thuận 12%/năm; ngày đến hạn trả nợ 15/10/2010; nợ gốc đã trả 7.700.000.000 đồng; nợ lãi đã trả 344.133.534 đồng; nợ lãi chưa trả 3.375.997.787 đồng.

Công ty Cổ phần Đ còn dư nợ gốc của 01 hợp đồng và dư nợ lãi 03 hợp đồng tính đến ngày 28/02/2023 là 17.793.711.719 đồng (*Mười bảy tỷ, bảy trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm mười một ngàn, bảy trăm mười chín đồng đồng*). Trong đó, dư nợ gốc là 9.271.084.671 đồng; dư nợ lãi là 8.522.627.048 đồng. Kể từ ngày 01/01/2013 Ngân hàng P đã dừng tính lãi đối với dư nợ gốc và lãi của Công ty cổ phần Đ

Để đảm bảo cho khoản vay, các bên đã ký kết: Hợp đồng cầm cố tài sản số 156/2009/HĐCC-NHPTVN PC ngày 06/8/2009 ký giữa Chi nhánh NHPT KV Đắk Lắk-Đắk Nông và Doanh nghiệp tư nhân N (Công ty Đ); Hợp đồng tiền gửi số 87/HĐTG/2009 ngày 05/8/2009, số tiền 3.000.000.000 đồng. Chi nhánh đã trích toàn bộ số tiền tại Hợp đồng tiền gửi này để thu hồi nợ vay Tín dụng xuất khẩu cho Công ty Cổ phần Đ.

Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 01/2010/HĐCCQSĐĐ-NHPT ngày 25/01/2010 ký giữa Chi nhánh Ngân hàng P KV Đắk Lắk-Đắk Nông và Công ty cổ phần Đ; Giá trị thế chấp theo hợp đồng là 4.585.145.807 đồng; Ngân hàng đã

bán tài sản thế chấp và thu hồi được 7.009.125.280 đồng (sau khi trừ các chi phí bán đấu giá)

Đối với số tiền còn lại chưa thanh toán, Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty Cổ phần Đ trả 17.793.711.719 đồng (*Mười bảy tỷ, bảy trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm mười một ngàn, bảy trăm mười chín đồng*). Trong đó, dư nợ gốc là 9.271.084.671 đồng; dư nợ lãi là 8.522.627.048 đồng (lãi tính đến ngày 31/12/2012), không yêu cầu lãi kể từ ngày 01/01/2013 đến nay.

Về tài sản thế chấp: Đã tự thỏa thuận xử lý xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời trình bày của người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Cổ phần Đ – ông Lê Đình Tr trong quá trình giải quyết vụ án thì:

Ông Lê Đình Tr thống nhất với lời trình bày của người đại diện của Ngân hàng P về quan hệ tín dụng và tài sản thế chấp như Ngân hàng P đã trình bày. Công ty Cổ phần Đ thừa nhận còn nợ Ngân hàng P số tiền 17.793.711.719 đồng, bằng chữ: *Mười bảy tỷ, bảy trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm mười một ngàn, bảy trăm mười chín đồng đồng* (03 hợp đồng). Trong đó, dư nợ gốc là 9.271.084.671 đồng; dư nợ lãi là 8.522.627.048 đồng. Hàng năm các bên đều lập biên bản đối chiếu công nợ.

Hiện nay Công ty Cổ phần Đ đồng ý trả nợ như yêu cầu của Ngân hàng, tuy nhiên Công ty không còn khả năng thanh toán. Nên mong muốn được xóa nợ. Còn nếu Ngân hàng không đồng ý thì căn cứ quy định pháp luật để giải quyết. Về tài sản thế chấp: Các bên đã tự thỏa thuận xử lý xong, bị đơn đồng ý và không có ý kiến gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất được với nhau về số tiền còn nợ và nghĩa vụ thanh toán, tuy nhiên không thống nhất được thời hạn và phương thức thanh toán.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc Công ty Cổ phần Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng P 17.793.711.719 đồng, (*Mười bảy tỷ, bảy trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm mười một ngàn, bảy trăm mười chín đồng* (03 hợp đồng)). Trong đó, dư nợ gốc là 9.271.084.671 đồng; dư nợ lãi là 8.522.627.048 đồng. Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Đ thanh toán tiền đã vay trong quan hệ tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Công ty Cổ phần Đ có trụ sở tại thôn T, xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông do đó Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã triệu tập hợp lệ đối với người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đ, ông Lê Đình Tr. Ông Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngày 06/8/2009, Ngân hàng P, chi nhánh khu vực Đắk Lắk – Đắk Nông và Doanh nghiệp tư nhân N (tiền thân của Công ty Cổ phần Đ) ký kết hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 156/2009/TDXK-NHPT, số tiền vay 20.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay TDXK 6,9%/năm và cho vay thỏa thuận 10,08%/năm; ngày đến hạn trả nợ 04/01/2010; nợ gốc đã trả 20.000.000.000 đồng; nợ lãi đã trả 1.213.624.159; nợ lãi chưa trả 284.631.281 đồng.

Doanh nghiệp tư nhân N đã giải thể ngày 25/10/2009. Ngày 21/11/2010 Công ty Cổ phần Đ đã ký Phụ lục Hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 156A/2009/TDXK-NHPT với Ngân hàng P kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Doanh nghiệp tư nhân N tại Hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 156/2009/TDXK-NHPT ngày 06/8/2009.

Ngày 29/3/2010, Ngân hàng P, chi nhánh khu vực Đắk Lắk – Đắk Nông và Công ty Cổ phần Đ ký kết hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 24/2010/TDXK-NHPT PC số tiền vay 10.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay tín dụng xuất khẩu 9,6%/năm và cho vay thỏa thuận 12%/năm; ngày đến hạn trả nợ 17/11/2010; nợ gốc đã trả 728.915.329 đồng; nợ lãi đã trả 489.928.533 đồng; nợ gốc chưa trả 9.271.084.671 đồng; nợ lãi chưa trả 4.861.997.980 đồng.

Ngày 29/4/2010 Ngân hàng P, chi nhánh khu vực Đắk Lắk – Đắk Nông và Công ty Cổ phần Đ ký kết hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 50/2010/TDXK-NHPT PC ngày 29/4/2010 ký giữa Chi nhánh và Công ty CP Đ, số tiền vay 7.700.000.000 đồng, lãi suất cho vay Tín dụng xuất khẩu 9,6%/năm và cho vay thỏa thuận

12%/năm; ngày đến hạn trả nợ 15/10/2010; nợ gốc đã trả 7.700.000.000 đồng; nợ lãi đã trả 344.133.534 đồng; nợ lãi chưa trả 3.375.997.787 đồng.

[2.2] Hợp đồng tín dụng giữa các bên thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện rõ về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, phương thức thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên, tuân thủ về phạm vi hoạt động, quy định lãi suất theo Điều 49, Điều 51 của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 (sửa đổi, bổ sung năm 2004), thể hiện sự tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật theo Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2.2]. Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Khi đến hạn thanh toán nợ, Công ty Cổ phần Đ đã thanh toán cho Ngân hàng P cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 156/2009/TDXK-NHPT ngày 06/8/2009, nợ gốc đã trả 20.000.000.000 đồng; nợ lãi đã trả 1.213.624.159; nợ lãi chưa trả 284.631.281 đồng.

Hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 24/2010/TDXK-NHPT PC ngày 29/3/2010 nợ gốc đã trả 728.915.329 đồng; nợ lãi đã trả 489.928.533 đồng; nợ gốc chưa trả 9.271.084.671 đồng; nợ lãi chưa trả 4.861.997.980 đồng.

Hợp đồng tín dụng xuất khẩu số 50/2010/TDXK-NHPT PC ngày 29/4/2010 nợ gốc đã trả 7.700.000.000 đồng; nợ lãi đã trả 344.133.534 đồng; nợ lãi chưa trả 3.375.997.787 đồng.

Tổng số tiền đã thanh toán là 28.428.915.329 đồng tiền gốc, 2.047.686.226 đồng tiền lãi.

Công ty Cổ phần Đ còn dư nợ gốc của 01 hợp đồng và dư nợ lãi 03 hợp đồng là 17.793.711.719 đồng (*Mười bảy tỷ, bảy trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm mười một ngàn, bảy trăm mười chín đồng đồng*). Trong đó, dư nợ gốc là 9.271.084.671 đồng; dư nợ lãi là 8.522.627.048 đồng.

Số dư nợ này đều đã được các bên đối chiếu hàng năm và Công ty Cổ phần Đ đã cam kết thanh toán cho Ngân hàng P. Tuy nhiên từ năm 2013 (kể từ thời điểm Ngân hàng dừng tính lãi) Công ty Cổ phần Đ không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, việc chậm trễ thanh toán nợ của Công ty Cổ phần Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi hợp pháp của Ngân hàng P. Do đó, Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Đ thanh toán tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là có cơ sở nên cần chấp nhận.

Đối với số tiền lãi phát sinh từ ngày 01/01/2013 đến ngày xét xử và sau khi xét xử cho đến khi trả xong nợ, Ngân hàng P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay, các bên đã ký kết Hợp đồng cầm cố tài sản số 156/2009/HĐCC-NHPTVN PC ngày 06/8/2009 ký giữa Chi nhánh Ngân hàng P

KV Đắk Lắk- Đắk Nông và Doanh nghiệp tư nhân N (Công ty CP Đ); Hợp đồng tiền gửi số 87/HĐTG/2009 ngày 05/8/2009, số tiền 3.000.000.000 đồng.

Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 01/2010/HĐCCQSDĐ-NHPT ngày 25/01/2010 ký giữa Chi nhánh Ngân hàng P KV Đắk Lắk-Đắk Nông và Công ty cổ phần Đ; Giá trị thế chấp theo hợp đồng là 4.585.145.807 đồng;

Trong quá trình vay vốn, Ngân hàng TMCP P và Công ty Cổ phần Đ đã thỏa thuận xong về việc xử lý trích toàn bộ số tiền tại Hợp đồng Hợp đồng tiền gửi số 87/HĐTG/2009 ngày 05/8/2009 và bán đấu giá tài sản thế chấp và thu hồi được 7.009.125.280 đồng (sau khi trừ các chi phí bán đấu giá)

Các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận xử lý xong tài sản thế chấp, không có đương sự nào yêu cầu xem xét nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thống nhất được với nhau về số tiền vay, số tiền đã trả và dư nợ gốc và lãi còn lại. Tuy nhiên các đương sự không thống nhất được thời hạn và phương thức trả nợ, do đó Hội đồng xét xử xem xét về nghĩa vụ trả nợ, thời hạn trả nợ theo quy định pháp luật.

[2.5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu án phí KDTM sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.6] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 317 Luật kinh doanh thương mại; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 49, Điều 51 Luật Các tổ chức tín dụng 1997, sửa đổi bổ sung năm 2004; Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng P về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc Công ty Cổ phần Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng P số tiền 17.793.711.719 đồng (*Mười bảy tỷ, bảy trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm mười một ngàn, bảy trăm mười chín đồng đồng*). Trong đó, nợ gốc là 9.271.084.671 đồng (*chín tỷ, hai trăm bảy mươi một triệu, không trăm tám mươi bốn nghìn, sáu trăm bảy mươi một đồng*); nợ lãi là 8.522.627.048 đồng (*tám tỷ, năm trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi bảy nghìn, không trăm bốn mươi tám đồng*)

3. Về án phí: Buộc Công ty Cổ phần Đ phải nộp 125.794.000 đồng (*Một trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn đồng*) tiền án phí KDTM sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng P 62.897.000 đồng (*sáu mươi hai triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007177 ngày 27/3/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- CCTHADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thế Thắng